

TRƯỜNG MN XÃ HUA THANH
LỚP NHÀ TRẺ 25-36T A TRUNG TÂM

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025

Căn cứ vào Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 2316/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND huyện Điện Biên Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn huyện Điện Biên;

Căn cứ vào tình hình thực tế lớp Nhà trẻ 25-36T A trung tâm và tình hình thực tế của trẻ. Lớp Nhà trẻ 25-36T A trung tâm xây dựng kế hoạch giáo dục năm học của lớp như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
<i>* Phát triển vận động</i>			
1	Trẻ thực hiện được động tác trong bài thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân	<ul style="list-style-type: none">- Hô hấp: Tập hít vào, hờ ra- Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay.- Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên.- Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân..	1 -> 9
2	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay	<ul style="list-style-type: none">- Đi theo hiệu lệnh (2,7)- Đi trong đường hẹp (1,4)- Đi có mang vật trên tay (3,8)- Đi bước vào các ô (7,9)- Đi bước qua gậy kê cao (8)- Đi theo đường ngoằn ngoèo (7)	1 -> 9

		<ul style="list-style-type: none"> - Đứng co 1 chân (5) - Chạy theo hướng thẳng (4) - Chạy đổi hướng (9) 	
3	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung-bắt bóng với cô khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1->1, 2m.	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng cùng cô (6) - Tung bắt bóng bằng 2 tay (1,9) - Tung bóng qua dây (3,4,6) - Ném bóng vào đích (8,9) 	1,3,4,6,7,8,9
4	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	<ul style="list-style-type: none"> - Bò thẳng hướng và có mang vật trên lưng (2,6,9) - Bò thẳng hướng theo đường hẹp (1,4) - Bò chui qua cổng (3,6) - Bò qua vật cản (4,9) - Bò theo đường ngoằn ngoèo (7) - Trườn qua vật cản (5) - Trườn chui qua cổng (8) 	1 -> 9
5	Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m)	<ul style="list-style-type: none"> - Ném bóng về phía trước (5,7,8) - Nhún bật tại chỗ (1,6,9) - Nhún bật về phía trước (3,4) - Bật qua vạch kẻ (2, 8) - Bật xa bằng 2 chân (7,8) 	1 -> 9
6	Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện " múa khéo".	<ul style="list-style-type: none"> - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau 	2, 4, 6, 8
7	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất, nặn, vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	<ul style="list-style-type: none"> - Rót, nhào, khuấy, đào, vò xé (1, 2,3) - Đóng cọc bàn gỗ (1-9) - Nhón, nhặt đồ vật (2, 3, 4, 6) - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây (1, 2, 4, 5) - Chắp ghép hình (4, 6, 7) - Chồng, xếp 6-8 khối (2, 3, 4, 5, 7) 	1-> 9

		<ul style="list-style-type: none"> - Tập cầm bút tô, vẽ (3->9) - Lật mở trang sách (7, 8, 9) 	
<i>* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</i>			
8	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau (1) - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống (4) 	1, 4
9	Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập thói quen ngủ 1 giấc trưa (1, 2) - Chuẩn bị chỗ ngủ (5) 	1, 2, 5
10	Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định 	1, 2
11	Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh)	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; bỏ rác đúng nơi quy định. (1,2) - Tự phục vụ: Xúc cơm, uống nước (2, 3, 4) - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn ngủ, vệ sinh (4, 5) - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt (5, 7) 	1, 2, 3, 4 5, 7
12	Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tự phục vụ: Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. 	3, 6, 9
13	Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. 	1, 4, 8, 9
14	Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. 	2, 7

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
15	Trẻ thích sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. (3, 4, 5, 8). - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả, để nhận biết đặc điểm nổi bật. (3, 6, 7) - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm, trơn (nhẵn) – xù xì. (1, 3) - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu (3, 6) 	1, 3, 4, 5, 6, 7, 8
16	Trẻ bắt chước được một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và nhóm / lớp. 	1, 3
17	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. (2) - Tên và công việc của những người gần gũi trong gia đình. (4) - Tên của cô giáo, các bạn trong nhóm/lớp. (1) 	1, 2, 4
18	Trẻ có thể nói được chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. (2) 	2
19	Trẻ nhận biết được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng đồ dùng và cách sử dụng đồ chơi quen thuộc. (1,3,4,9) - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. (8) - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. (5,7) 	1, 3, 4, 5, 7, 8,9
20	Trẻ có thể chỉ/ nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/	<ul style="list-style-type: none"> - Màu đỏ, xanh, vàng. - Số lượng một – nhiều. 	1, 2, 3,9

	xanh theo yêu cầu.		
21	Trẻ có thể chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu.	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước (To, nhỏ). (3,9) - Hình tròn – hình vuông (4, 8,9) - Vị trí trong không gian (trên – dưới – trước – sau) so với bản thân trẻ. (2) 	2, 3, 4, 8,9
3. Phát triển ngôn ngữ			
22	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 – 3 hành động.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc - Nghe và thực hiện yêu cầu bằng lời nói. 	1, 4
23	Trẻ trả lời được các câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây? ...làm gì? ...thế nào?	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các câu hỏi: : “Cái gì?”, “Làm gì?”, “ở đâu?”, “Để làm gì?”, “Như thế nào?” - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì? Làm gì? ở đâu? Thế nào? Để làm gì? Tại sao? 	3, 5, 8
24	Trẻ có thể hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các câu truyện ngắn. (1->9) - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý (4, 5, 7, 9) - Lắng nghe khi người lớn đọc sách (4, 5, 7) - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. (3, 6, 8) 	1-> 9
25	Trẻ có khả năng phát âm rõ tiếng.	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các âm khác nhau. 	3, 5, 7
26	Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố. (1->9) - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng. 	1 -> 9
27	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 – 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. 	1 -> 9

28	Trẻ có thể sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? Cái gì đây?	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.	2, 4, 5, 8
29	Trẻ có thể nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	3, 4
4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ			
30	Trẻ nói được một vài thông tin về bản thân mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.	2
31	Trẻ thể hiện được điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi yêu thích của mình.	3
32	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.	6
33	Trẻ nhận biết được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, tức giận.	2, 4, 6, 9
34	Trẻ biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.		
35	Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các con vật nuôi.	5
36	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ dạ, vâng ạ, chơi cạnh bạn, không cầu bạn.	4
37	Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bé em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	1->9

38	Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	3, 7
39	Trẻ thực hiện được một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.	2, 5
40	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	1 -> 9
41	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xâu vòng - Xem tranh.	1-> 9

II. DỰ KIẾN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thời gian (Tháng, từ ngày... đến ngày ...)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ /hội	Điều chỉnh bổ xung
Tháng 9+10 (Từ 9/9- 04/10/2024)	1	Bé vui đến trường	Bé yêu cô giáo	1	Ngày hội đến trường của bé 05/9- Bé vui đón Tết trung thu (15/8 âm lịch)	
			Bé vui đón tết trung thu	1		
			Các bạn trong lớp học của bé	1		
			Đồ dùng, đồ chơi trong lớp của bé	1		
Tháng 10 (Từ ngày 07/10- 25/10)	2	Bé biết gì về bản thân	Bé là ai?	1		
			Cơ thể kỳ diệu của bé	2		
Tháng 10+11 (Từ ngày 28/10 - 22/11)	3	Đồ dùng, đồ chơi của bé	Bé với đồ chơi yêu thích	1	Ngày hội của cô giáo 20/11	
			Đồ dùng của bé	1		
			Ngày hội của cô giáo	1		
			Đồ dùng của bé	1		
Tháng 11+12 (Từ ngày 25/11 - 20/12)	4	Mẹ và gia đình thân yêu của bé	Mẹ của bé	1		
			Những người thân trong GD bé	1		

			Đồ dùng trong gia đình bé	2		
Tháng 12+01 (Từ ngày 23/12/2024- 10/1/2025)	5	Những con vật đáng yêu	Con vật nuôi trong gia đình (2 chân)	1		
			Con vật nuôi trong gia đình (4 chân)	1		
			Con vật sống dưới nước	1		
		Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham gia hội thi				
Tháng 01+02 (Từ ngày 20/1-14/2)	6	Tết và mùa xuân	Bé vui đón tết	1	Bé vui đón tết nguyên đán (1/1 âm lịch)	
			Bé vui đón tết	1		
			Mùa xuân đến rồi	1		
Tháng 2+3 (Từ ngày 17/2 - 28/3)	7	Thực vật quanh bé	Bé yêu hoa	1		
			Bé thích các loại quả	2		
			Bé biết rau gì?	2		
Tháng 3+4 (Từ ngày 31/3 - 25/4)	8	Bé đi khắp nơi bằng các phương tiện gì	Phương tiện GT đường bộ	2		
			Máy bay	1		
			Tàu hỏa	1		
			Thuyền, tàu thủy	1		
Tháng 4+5 (Từ ngày 28/04 - 23/05)	9	Mùa hè - cháu lên mẫu giáo	Mùa hè đến rồi	1		
			Trang phục mùa hè của bé			

			Bé lên mẫu giáo	1	
			Bé vui đón tết thiếu nhi	1	
Tổng số				35	

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thanh Huệ

Hua Thanh, ngày 30 tháng 8 năm 2024
NGƯỜI LẬP

Quàng Thị Cương